

TRUNG TÂM PHẬT GIÁO VĨNH NGHIÊM VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI VÙNG ĐẤT YÊN DŨNG

DUƠNG NGÕ NINH^(*)

1. Chùa Vĩnh Nghiêm - một trung tâm Phật giáo thời Trần

Chùa Vĩnh Nghiêm còn có tên là chùa Đức La, hiện thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Chùa được khởi dựng từ trước thời Lý, với tên gọi là chùa Chúc Thánh. Đến thời Trần, ngôi chùa đổi tên là chùa Vĩnh Nghiêm. Đến thời Hồ, đặc biệt là dưới triều Minh đô hộ, chùa Vĩnh Nghiêm cùng với nhiều công trình văn hóa khác bị hủy diệt hoàn toàn. Sang thời Lê, chùa Vĩnh Nghiêm được phục dựng trên cơ sở bình đồ kiến trúc thời Trần. Những công trình kiến trúc của chùa còn lại đến nay được tạo dựng dưới thời Lê Nguyễn và muộn hơn nữa.

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, chùa Vĩnh Nghiêm là một trung tâm, một chốn Tổ quan trọng trong hệ thống Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Người có vai trò lớn trong việc xây dựng chùa tháp bấy giờ là tổ Pháp Loa, vị Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Mới 24 tuổi, ông đã trở thành người lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Đại Việt. Ông có nhiều công lao trong việc xây dựng và phát triển chùa Vĩnh Nghiêm trở thành trụ sở của Trung ương Giáo hội Trúc Lâm.

Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử luận* cho biết: “Tháng 9 năm Quý

Sửu (1313), Pháp Loa phụng chiếu đến cư trú tại chùa Vĩnh Nghiêm, đặt văn phòng Trung ương của Giáo hội ở đó, quy định mọi chức vụ của tăng sĩ trong Giáo hội, kiểm tra tự viện và làm sổ tăng tịch. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, tăng sĩ có hồ sơ tại Giáo hội Trung ương. Pháp Loa thấy số lượng tăng sĩ đông quá liền quyết định ba năm mới có một lần độ tăng. Giới đàn được tổ chức ba năm một lần và mỗi lần số người xin thụ giới bị thải ra có đến hàng nghìn người. Tính đến năm 1332, số tăng sĩ đã được xuất gia trong những giới đàn do Giáo hội Trúc Lâm tổ chức là trên 15.000 vị. Về tự viện, năm 1313 có tới trên 100 ngôi chùa thuộc vào Giáo hội Trúc Lâm. Pháp Loa đã làm rất nhiều việc xây dựng⁽¹⁾.

Căn cứ quy tụ của Phật giáo thời Trần ở trên núi Yên Tử (thuộc tỉnh Quảng Ninh ngày nay). Chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử là quê hương của Phật giáo Trúc Lâm. Hằng năm, chùa tổ chức kiết hạ an cư ba tháng. Tăng sĩ bốn phương về tham dự rất đông. Vị tăng sĩ nào trong thời đại ấy cũng ước ao được về kiết hạ trên núi Yên Tử. Ca dao xưa còn lưu lại câu:

^{*}. ThS., Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang.

1. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1992, tr. 328.

“Dù ai quyết trí tu hành/Có về Yên Tử mới thành lòng tu”.

Nhưng Yên Tử không thể thu nhận nhiều người, cho nên Giáo hội Trúc Lâm đã tổ chức an cư kiết hạ tại các chùa lớn khác như Báo Ân, Sùng Nghiêm, Vĩnh Nghiêm, Quỳnh Lâm, Thanh Mai và Côn Sơn. Riêng chùa Vĩnh Nghiêm được chọn làm văn phòng Trung ương Giáo hội, nơi cất giữ hồ sơ của tăng ni toàn quốc. Năm 1313, Đế nhị tổ Pháp Loa đã tới đây để quy định mọi chức vụ của tăng sĩ trong Giáo hội và kiểm tra tự viện. Trong đời Pháp Loa, tăng sĩ đã có độ điệp, một loại giấy thông hành dành riêng cho tăng sĩ. Vị tăng sĩ nào có độ điệp thì có thể di chuyển từ nơi này tới nơi khác không gặp trở ngại, đến chùa nào đều có thể được tiếp đón và nghỉ lại. Pháp Loa là người có độ điệp đầu tiên do vua Trần Anh Tông ban cho năm 1308 sau khi nhận chức trụ trì chùa Báo Ân. Tuy trụ sở Trung ương Giáo hội đặt tại chùa Vĩnh Nghiêm nhưng Pháp Loa lại thường trú ở các chùa Báo Ân và Quỳnh Lâm.

Như vậy, đến giữa thế kỉ XIV, mối quan hệ giữa Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử với cả nước phát triển tới đỉnh cao. Thiên phái Trúc Lâm với bốn trung tâm là Vĩnh Nghiêm, Thanh Mai, Yên Tử và Quỳnh Lâm đã hoàn thiện. Ở Bắc Giang, trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm đã có mối liên hệ với các chùa: Am Vải, Yên Mã, Bình Long, Hòn Tháp, Hồ Bắc, Đồng Vành, Chùa Cao, Khám Lạng, Hang Non và có vai trò tích cực trong việc phát triển Thiên phái này ở phía tây Yên Tử.

Sang thời Lê-Nguyễn và sau này, chùa Vĩnh Nghiêm không còn giữ được vị trí

và vai trò trung tâm Phật giáo như thời nhà Trần, nhưng chùa còn giữ lại được kho tàng di sản Hán Nôm khá phong phú. Trong số di sản Hán Nôm còn lưu giữ được ở chùa Vĩnh Nghiêm, thì số lượng văn khắc trên ván là nhiều nhất. Kho ván văn khắc ở chùa Vĩnh Nghiêm gồm 7 kệ ván, chứa khoảng hơn 3.000 tấm ván khắc chữ Hán, gồm bộ: *Hoa Nghiêm kinh, Bản nguyện chân kinh, Di Đà kinh, Khai thánh chân kinh, Tỳ khâu ni giới kinh, Quan Thế Âm kinh, Đại thừa chỉ quán, Thiên tông bản hạnh, Sadini uy nghi, Tịnh độ sám nguyện, Thượng Đế khuyến thế văn, Thần du phương kí, Giới thực ngư nhục, Tịnh độ vấn đáp, Văn xương kiến thế văn, Văn xương thánh nguyên văn, Văn xương đế quan giới dân văn, Khuyến thế lương ngôn, Kết hữu phạm tứ huấn, Thái thượng cảm ứng biên, Tây phương mi nhân truyền, Đế quan âm chất vấn, Thiên thất phủ, Kim khoa ngọc luật, Thiên tịch phú, Yên Tử nhật trình, Thái vị quá cách, Giới đồ thập điều, An thái thời sinh phương, Đế quan cứu thế văn, Phụ kinh nghiệm cấp cứu phương, Quá dâm huyết, Sadini giới kinh, Thích già giảng đầu truyền, Kính tín lục nguyên tự*

Ở kho ván văn khắc chùa Vĩnh Nghiêm, bên cạnh các bộ thuộc tam tạng kinh điển (Kinh, Luật, Luận) nêu trên giúp cho người tu hành hiểu được đạo Phật, hiểu cách tu hành và cách ứng xử giữa đạo Phật với cuộc sống, có một số bộ liên quan tới Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, tiêu biểu như *Yên Tử nhật trình, Thiên tông bản hạnh, Thiên tịch phú, Giới đồ thập điều, Giới thực ngư nhục*.

Có thể nói, kho báu văn khố chùa Vĩnh Nghiêm là di sản văn hóa có giá trị góp phần tích cực cho việc tìm hiểu về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, mà chùa Vĩnh Nghiêm là một trung tâm.

Với vai trò trung tâm đào tạo tăng tài trong cả nước, chùa Vĩnh Nghiêm đã trở thành di sản văn hóa tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam. Trong bài minh của Hòa thượng Thích Thanh Hanh viết năm Bảo Đại thứ 7 (1932) được khắc trên bia đá dựng ở chùa có đoạn viết: “Kể từ triều Lý cách nay tới 883 năm mà rừng Thiền rậm rạp, chùa chiến ngời ngời, vang vang tiếng ngọc, đông đúc muôn đồ. Có được cái đó há chẳng phải do công đức lớn to như núi, mệnh mông như sông nước cái bậc tu hành hun đúc nên hay sao?”⁽²⁾.

Lời cổ nhân truyền lại phần nào giúp chúng ta thấy được sự hưng thịnh của chùa Vĩnh Nghiêm đương thời. Các thế hệ kế tiếp theo không ngừng gìn giữ bảo vệ, tu bổ cho di tích Phật giáo này ngày càng được khang trang tổ hảo, với hệ thống tượng Phật quy chuẩn, các loại tài liệu, hiện vật quý hiếm.

2. Trần Nhân Tông và tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm

Trần Nhân Tông là con đầu của Trần Thánh Tông, lên ngôi năm 1279. Đến năm 1298, ông cỡi hoàng bào, khoác cà sa thuyết pháp độ sinh khắp nơi, làm Đệ nhất tổ Trúc Lâm và được tôn vinh là Điều Ngự Giác Hoàng. Tên tuổi của ông gắn liền với hai cuộc kháng chiến thần thánh chống quân Nguyên - Mông.

Sự nghiệp sáng tác của Trần Nhân Tông để lại cho hậu thế khá phong phú, tiêu biểu gồm: *Trần Nhân Tông thi tập*,

Tăng già toái sự, Đại Hương hải ấn thi tập, Thạch thất mị ngữ, v.v,... Hai tác phẩm chữ Nôm đáng chú ý nhất trong các sáng tác của ông là *Cư trần lạc đạo phú* và *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca* không chỉ có giá trị về tư tưởng Thiền học mà còn góp phần phát triển tiếng Việt trong lịch sử văn học dân tộc.

Từ nhỏ, Trần Nhân Tông được tập ấm và thụ giáo người thầy lớn là Tuệ Trung Thượng Sĩ-một cư sĩ tại gia chủ trương hòa giải đạo với đời làm căn bản cho quá trình nhận thức và tu tâm tỉnh trí để đạt giải thoát và viên mãn. Sau đó, trải nghiệm qua công cuộc dân nước hào hùng, ông không khó khăn để khẳng định chân lí giải thoát như thế. Chính ông và những người đương thời đã nhìn thấy từ trong tinh hoa đạo Phật những giá trị thuận cách cho nền giáo hóa con dân đúng hướng, dựa trên căn bản của nền sống dân tộc đó là bình dị và khiêm ước, trọng học và trọng tình, biết tôn thờ sự nghiệp dân nước làm trọng.

Trần Nhân Tông đã đến với Phật giáo bằng tầm nhìn của một nhà chính trị và tư tưởng lớn, biết thu nạp và diệu dụng tôn giáo vì mục đích cao cả: cứu nhân độ thế, làm cuộc vượt thoát toàn dân tộc. Cho nên, trên cơ sở tư tưởng Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa, Trần Nhân Tông đã dày công gây dựng ở Yên Tử dòng thiền hoàn toàn không dập khuôn giáo lí Đại thừa Ấn Độ hay Thiền tông Trung Hoa, mà đã thổi vào đó những giá trị tươi mới và tích cực, đó là quan điểm: Phật tại tâm, tu theo thập thiện chứ không

2. Bia công đức các đời mở mang và trùng tu chùa Vĩnh Nghiêm, xã Đức La, dựng năm 1932.

khuyến khích khổ hạnh, không cho phép coi nhẹ bốn phận công dân và lòng tự cường dân tộc.

Tư tưởng của Trần Nhân Tông được thể hiện qua trước tác của ông, trước hết phải kể tới *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*. Trong tác phẩm này, ông chủ yếu bàn về Thân-Tâm, những thứ chủ yếu gây nghiệp chướng cho đời sống con người, là cội nguồn nảy sinh dục vọng khiến con người trở thành nô lệ và tội đồ của chính mình, tự ngăn trở và làm lạc hướng trong việc tạo tác Tâm vô nhiễm. Đó là hình ảnh tối thượng của đường tu, của hạnh phúc kiếp người:

“Cảnh lặng, sóng yên, lòng tự tại.

Gió mát thổi đến dưới bóng cây thông.

Giường thiền dưới gốc cây, kinh một quyển.

Hai chữ thanh nhàn quý hơn vạn nén vàng”.

Trong *Cư trần lạc đạo phú*, phần mở đầu, Trần Nhân Tông viết: “Mình ngồi thành thị/Nết dùng sơn lâm”. Hai câu này nói tới lối hành xử khôn ngoan nhất, nhuần hợp với cốt cách dân tộc, theo nghĩa “thô” thì người có thể ở chốn thành thị giàu có, sung sướng đủ đầy, nhưng nết hạnh và ứng xử phải thuần phác và trong trẻo mới là quý, là nên; còn theo nghĩa “tinh” thì dù sống trong cảnh ngộ nào cũng phải đề cao tính thiện nhân và chọn sự thanh thản làm đầu. Được thế là đời tiên phật, là dân tộc vững bền.

Ở hội thứ 3 của tác phẩm, ông viết tiếp: “Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc/Sơn lâm chẳng cốc (chẳng biết),

họa kia thực cả đồ công”. Như thế, khi đã biết, đã ý thức được thì: “Tích nhân nghi, tu đạo đức, ai hay này chẳng Thích Ca. Cảm giới hạnh, đoạn gian tham, chân thực ấy là Di Lạc”. Cho nên, nói một cách ngắn gọn thì đời tục hay cõi tu cũng cốt ở cái Tâm con người. Nết biết hành xử nhuần hợp để có được nguồn tâm vô nhiễm thì dễ dàng đạt tới cực lạc. Đó là căn bản của tư tưởng “Phật tại Tâm”. Báu vật của tâm linh và đời thực ấy sẵn có ở trong mỗi con người. Vấn đề là tự ý thức, tự hành xử được hay không mà thôi. Chân lí ấy sâu xa mà giản dị vô cùng. Trong bài kết thúc tác phẩm này, ông viết:

“Sống giữa phàm trần, hãy tùy duyên mà vui với đạo.

Đói thì ăn, mệt thì ngủ.

Trong nhà sẵn của báu, đừng tìm đâu khác.

Đối diện với cảnh mà vô tâm thì không cần phải hỏi Thiền nữa”.

Bài học phát huy nội lực của Trần Nhân Tông và thời đại của ông trước hết là tôn cao nền giáo hóa con dân theo cách thiện, giúp họ hoàn thiện quá trình tự nhận thức để giữ được tâm trạng và trí sáng, biết bình tâm trước mọi diễn biến của đời sống, đạt độ an nhiên tự tại, ít bị vướng bận vào hệ lụy thường tình như tham, sân, si, nhất là những mặc cảm áp chế thân phận và cá tính, từ đó thăng hoa cả tâm hồn lẫn trí tuệ để có thể sáng tạo và dâng hiến hết mình. Đó chính là cốt lõi của con đường giải thoát và tự vượt thoát.

Chính Trần Nhân Tông cả khi chỉ huy đánh giặc lẫn khi xây dựng hòa bình đều

đã thể hiện rõ phong cốt và sức mạnh tự thân ấy. Không những thế, phong cốt và sức mạnh ấy còn lan truyền mạnh sang tướng sĩ và thần dân, thôi thúc họ lòng tự tin, tính nhân hậu, ham học hiểu, với khao khát hòa ái và lịch duyệt, biết thiện nhẫn và làm tròn bốn phận trên tinh thần tự cường và tự tôn dân tộc.

Cho nên, tư tưởng Trần Nhân Tông, trong đó lớn nhất và cao sâu nhất là bài học khai phóng nội lực, là giá trị dân tộc, thuộc về bản sắc cao quý, cần và theo suốt hành trình dân nước dài lâu.

3. Ảnh hưởng của trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm đối với đời sống người dân vùng đất Yên Dũng

3.1. Hình thành hệ thống chùa theo Thiên phái Trúc Lâm

Yên Dũng là một huyện nằm ở phía Nam của tỉnh Bắc Giang, phía đông giáp với tỉnh Hải Dương với ranh giới là sông Lục Đầu, phía nam giáp tỉnh Bắc Ninh với ranh giới là sông Cầu, phía bắc giáp huyện Lục Nam, phía tây giáp với thành phố Bắc Giang, chính giữa là dãy núi Nham Biền chạy theo hướng đông-tây với 99 ngọn hùng vĩ. Tỉnh Bắc Giang có ba con sông chảy qua là sông Lục Nam, sông Thương và sông Cầu thì cả ba con sông này đều chảy qua Yên Dũng và hội tụ tại Kiếp Bạc (tỉnh Hải Dương). Phù sa của ba con sông này đã bồi đắp nên những cánh đồng mầu mỡ của Yên Dũng. Chính vì vậy mà từ xa xưa dọc theo các triền sông, con người đã tụ cư, tạo cho Yên Dũng trở thành một vùng đất cổ.

Sông núi đã làm nên một Yên Dũng sơn thủy hữu tình. Điều quan trọng nhất khi nói tới Yên Dũng, người ta nghĩ tới

chùa Vĩnh Nghiêm, một di tích kiến trúc cổ, vốn là một trung tâm nổi tiếng của Thiên phái Trúc Lâm thời Trần. Từ chùa Vĩnh Nghiêm, Thiên phái Trúc Lâm lan rộng và hình thành nên một hệ thống chùa tháp theo Thiên phái này trong vùng.

Trên địa bàn huyện Yên Dũng hiện có 317 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 112 ngôi chùa theo Thiên phái Trúc Lâm, tiêu biểu như:

Chùa Nguyệt Nham (còn gọi là chùa Hang Chàm, thôn Liễu Nham, xã Tân Liễu) được khởi dựng từ thế kỉ XIII, còn lưu giữ được tấm bia có niên đại đời Trần. Nội dung văn bia chùa cho biết, miền đất này từng có một cổ tự, đến thời vua Trần Anh Tông (1293-1314), một người tự xưng là Hoàng Bà (Vua Bà) đến xây tháp, tạc tượng thờ Phật. Năm Đại Khánh thứ 8 (1321), Bà cho xây dựng lại chùa, mời Hòa thượng Đại Không về trụ trì, quy tụ tăng đồ, khiến chùa trở thành một đại tùng lâm danh tiếng. Có thể nói, chùa Nguyệt Nham là một trong những di tích có giá trị về lịch sử văn hóa tiêu biểu của vùng đất Yên Dũng thuộc Thiên phái Trúc Lâm.

Phía nam dãy Nham Biền tựa lưng vào núi còn có chùa Sùng Nham, còn gọi là Chùa Kem, thuộc thôn Kem, xã Nham Sơn. Chùa được xây dựng vào năm Đinh Tỵ (1705). Vị sư tổ đầu tiên có công xây dựng chùa là bà Hoàng Thị Tuế theo Thiên phái Trúc Lâm.

Ngoài các ngôi chùa nêu trên, ở Yên Dũng hiện còn nhiều ngôi chùa khác như Âm Dương, Thanh Long, Diên Khánh, Phúc Duyên, Cổ Pháp, v.v... cũng nằm

trong hệ thống chùa thuộc Thiên phái Trúc Lâm.

Từ góc nhìn di sản văn hóa, có thể nói, Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử có những đóng góp to lớn vào kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Chỉ xét riêng trong lĩnh vực di tích lịch sử văn hóa, các ngôi chùa thuộc thiên phái này chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, đã và đang phát huy được nhiều giá trị tích cực trong đời sống xã hội trên địa bàn huyện Yên Dũng. Gần đây, việc UBND tỉnh Bắc Giang đồng ý cho xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng tại khu vực thôn Minh Phượng, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng là một minh chứng rõ nét nhất cho thấy vị trí và vai trò to lớn của Thiên phái Trúc Lâm trong vùng.

3.2. Giáo dục truyền thống danh nhân và tư tưởng tự lập cho thế hệ trẻ

Các ngôi chùa thuộc Thiên phái Trúc Lâm, bên cạnh thờ Phật còn thờ các vị tổ Trúc Lâm. Điều đó chứng tỏ ngoài giá trị kiến trúc - nghệ thuật, các ngôi chùa thuộc Thiên phái Trúc Lâm nơi đây còn mang ý nghĩa lưu niệm danh nhân, tưởng nhớ cuộc đời và sự nghiệp của các bậc cao tăng, danh nhân văn hóa của đất nước, cụ thể ở đây là vua Trần Nhân Tông, một vị vua có tinh thần dân tộc sâu sắc và có đóng góp lớn cho công cuộc bảo vệ xây dựng đất nước thời nhà Trần.

Tư tưởng của Phật hoàng Trần Nhân Tông, như đã nêu ở phần trên, đã có tác dụng mạnh mẽ đối với thế hệ trẻ vùng Yên Dũng. Theo một khảo sát sơ bộ năm 2006 của Bảo tàng Bắc Giang về chùa Vĩnh Nghiêm và vua Trần Nhân Tông tại trường THCS xã Trí Yên, nơi chùa tọa lạc,

có đến hơn 80% số phiếu điều tra đều ghi vua Trần Nhân Tông là vị vua yêu nước 2 lần chiến thắng quân Nguyên-Mông.

3.3. Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm với sinh hoạt văn hóa vùng đất Yên Dũng

Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm là một lễ hội lớn, thể hiện sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo trong đời sống văn hoá xã hội vùng đất Yên Dũng, đồng thời cũng thể hiện sự sùng bái của nhân dân đối với lịch đại sư tổ ngôi chùa này. Xưa kia, lễ hội chùa được tổ chức vào mừng 1 tháng 11 âm lịch hằng năm (nhân dân trong vùng quen gọi là tiết lệ của Chùa La), là ngày hóa của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông. Hội được mở trong 3 ngày với sự tham gia của ba làng La Thượng, La Trung và La Hạ thuộc xã Đức La cũ. Trong những ngày mở hội, các trò chơi có tính chất văn hóa, bổ ích như đánh đu, cướp cờ được tổ chức trong khu vực chùa. Trong khu vực nội tự, các cụ bà tổ chức làm trò nhà Phật. Khách thập phương cũng kéo về dự hội rất đông để tưởng nhớ Tam tổ Thiên phái Trúc Lâm để cầu mong mọi sự tốt lành đến với bản thân, gia đình, dòng tộc.

Ngoài tiết lệ hằng năm này, trước đây mỗi khi trong thôn xã gặp hạn hán, nhân dân lại tổ chức cầu đảo. Trong lễ cầu đảo, sau khi thực hiện nghi lễ tại làng La và trong chùa Vĩnh Nghiêm, dân làng sẽ rước tượng Tam tổ Trúc Lâm ra sông để làm lễ mộc dục. Đám rước này cũng giống như đám rước ngày mừng 1 tháng 11 trong tiết lệ của chùa, có đủ cờ quạt, chiêng, trống, chấp kích đi đầu, mỗi làng một kiệu. Từ sông trở về, đám rước đi vòng quanh chùa, sau đó dừng lại ở

giữa sân trước để tế lễ và cầu đảo. Lễ cầu đảo này chỉ tổ chức gọn trong một ngày.

Sau kháng chiến chống Pháp, tiết lệ mà dân ba làng La tổ chức như trước không còn duy trì nữa. Lễ cầu đảo cũng không được tổ chức lại, nhưng những ảnh hưởng tích cực của lễ hội chùa Vinh Nghiêm ngày xưa thì không bao giờ phai mờ trong mỗi tâm trí người dân vùng La khi nhớ về truyền thống cội nguồn của quê hương.

Những năm gần đây, lễ hội chùa Vinh Nghiêm được tổ chức vào ngày 14 tháng Hai âm lịch hằng năm cho hợp với thời tiết, cũng trùng với ngày giỗ của vị sư kế thế Thích Thanh Nguyệt. Do là ngày giỗ một trong những Tổ của chùa nên tính chất hội giảm đi nhiều. Các tăng sĩ của chùa với các cấp chính quyền địa phương đã phối hợp rất chặt chẽ trong việc tổ chức và duy trì các hoạt động văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng diễn ra trong khu vực nội-ngoại chùa.

Lễ hội chùa Vinh Nghiêm là một hình thức sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng cư dân địa phương và đông đảo du khách thập phương. Lễ hội đã gắn kết cộng đồng làng xã, thỏa mãn được nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí của bà con trong những ngày đầu xuân nông nhàn, đồng thời cũng thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn của con người Việt Nam. Trong dịp lễ hội, qua nghi thức cúng tế, người dân trong vùng Đức La có dịp ôn lại và tưởng nhớ đến công lao của ba vị tổ đã có công khai sáng Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử. Người dân nơi đây không

chỉ biết đến các vị với công lao khai sáng một dòng thiền đậm đà bản sắc Việt Nam, mà còn biết đến công lao to lớn của Phật hoàng Trần Nhân Tông trong việc đánh đuổi giặc Nguyên - Mông, giữ yên bờ cõi Đại Việt. Các nghi thức rước, dâng lễ vật cúng tế Trúc Lâm Tam tổ phản ánh sự ảnh hưởng sâu sắc của Thiên phái Trúc Lâm với những phong tục, tập quán của cư dân trong vùng. Mọi công việc tham gia trong lễ hội chùa Vinh Nghiêm đều được người dân địa phương thực hiện một cách tự giác, thành tâm, thành kính. Thậm chí, họ còn quan niệm nếu mình được dân làng lựa chọn tham gia lễ hội thì đó là niềm vinh dự của gia đình, dòng tộc. Sức hấp dẫn của lễ hội không chỉ đối với nhân dân vùng bản tự mà còn lan rộng tới đông đảo du khách thập phương.

Đầu xuân, nhân dân trong vùng và du khách thập phương đến với lễ hội chùa Vinh Nghiêm là về với nơi đã từng là chốn đại tông lâm của Phật giáo thời Trần, về với nơi lưu giữ kho mộc thư quý báu của đất nước, của nhân loại, nên lòng người được thanh thản, mọi "Tham - Sân - Si" của con người dường như được rũ bỏ và cái Tâm thánh thiện của từng người phần nào tỏa sáng. Mấy ai đến chùa lễ Phật mà không cầu mong điều may mắn cho bản thân, gia đình, dòng họ và đất nước...? Mấy ai đến chùa lễ Phật mà lại cầu mong điều ác, điều xấu xa cho người khác...? Đó chính là sức ảnh hưởng tích cực của tư tưởng Phật giáo nói chung và tư tưởng của Thiên phái Trúc Lâm ở Vinh Nghiêm nói riêng./.